

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới

Thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại buổi làm việc với Bộ Nội vụ và một số cơ quan về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng đến các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững và phát triển thị trường lao động, nhất là đối với địa bàn miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tập trung khắc phục những hạn chế về chất lượng, cơ cấu và khả năng tiếp cận việc làm của lao động; ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của Điện Biên, tạo sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập cho Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp,

cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người sử dụng lao động trong phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải được tiến hành đồng bộ, nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả; xác định rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu, lộ trình, trách nhiệm và sản phẩm đầu ra của từng cấp, từng ngành; bảo đảm thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, nhất là các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Gắn việc thực hiện Kế hoạch với các nghị quyết, chương trình, đề án của Trung ương và của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát triển du lịch, kinh tế cửa khẩu, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển giáo dục, đào tạo.

- Phát huy tối đa nội lực của địa phương; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp và xã hội; ưu tiên nguồn lực cho đào tạo nghề, đào tạo lại, hỗ trợ sinh kế, kết nối việc làm đối với lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và lao động tại các xã biên giới; khuyến khích hợp tác công - tư trong phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề và tạo việc làm.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; biểu dương, nhân rộng các mô hình hiệu quả, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II- NỘI DUNG

1. Mục tiêu đến năm 2030

1.1. Bình quân mỗi năm tạo việc làm trên 9.000 lao động, trong đó, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đạt từ 200 người trở lên. Đến năm 2030, số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt trên 425.400 người, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản¹ chiếm 65,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 14,72%; khu vực dịch vụ chiếm 19,32%. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 2,5%.

1.2. Đào tạo trình độ từ trung cấp trở lên cho nguồn lao động của tỉnh cho 11.650 học sinh, sinh viên, học viên, trong đó trung cấp 5.150 người, cao đẳng 2.325 người, đại học 2.825 người và sau đại học 1.350 người, bằng hình thức đào tạo trong tỉnh; đào tạo liên kết hoặc cử đi đào tạo ngoài tỉnh theo nhu cầu và năng lực đào tạo; ưu tiên các ngành, nghề gắn với nhu cầu nhân lực của tỉnh, nhất là nông nghiệp, chế

¹Cơ cấu việc làm theo ngành kinh tế quốc dân: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 chiếm 70,61%.

biển nông - lâm sản, du lịch, dịch vụ, logistics, kinh tế cửa khẩu, năng lượng, công nghệ thông tin và các lĩnh vực tinh có nhu cầu thu hút đầu tư. Bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 10.000 lao động trở lên, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo so với lực lượng lao động trên 70% vào năm 2030, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 55% so với lực lượng lao động bảo đảm số lượng lao động phục vụ các định hướng thu hút đầu tư.

1.3. Phân đầu phát triển số người tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030, từ 67.372 người năm 2026 lên khoảng 105.000 người vào năm 2030; tập trung mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện, nhất là người lao động trong khu vực phi chính thức và các nhóm chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chung

2.1. Nâng cao nhận thức về phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung quán triệt sâu rộng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước được nêu tại Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng; xác định phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững và phát triển thị trường lao động là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh, gắn với yêu cầu nâng cao đời sống Nhân dân và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa bàn.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của đào tạo nghề, học tập suốt đời, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, kỹ năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tự tạo việc làm.

2.2. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung vào các lĩnh vực Điện Biên có tiềm năng, lợi thế và đang có nhu cầu nhân lực trọng tâm là năng lượng tái tạo, chế biến nông nghiệp hàng hóa, du lịch thương mại biên giới, kinh tế cửa khẩu, logistics, xây dựng, dịch vụ và chuyển đổi số; rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng nguồn nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; dự báo nhu cầu nhân lực trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn gắn với thu hút đầu tư, các dự án hạ tầng lớn và yêu cầu phát triển của từng khu vực, làm cơ sở xây dựng chính sách, chương trình đào tạo.

- Đổi mới mạnh mẽ việc phân luồng, giáo dục nghề nghiệp, tăng cường đào tạo thực hành, đào tạo gắn với doanh nghiệp và thị trường lao động; xây dựng cơ

chế liên thông giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu phát triển các mô hình đào tạo phù hợp với điều kiện miền núi, dân cư phân tán và nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nâng vị thế lao động thực hành giỏi, đưa học nghề trở thành con đường phát triển được coi trọng, có thu nhập và cơ hội phát triển.

- Tăng cường công tác giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, thực chất, lấy nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp, nhà đầu tư làm trung tâm; tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đào tạo, thực hành và tuyển dụng lao động để bảo đảm đầu ra cho người lao động.

- Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông - lâm sản, dược liệu, du lịch lịch sử gắn với Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, thương mại biên giới, logistics, kinh tế cửa khẩu, chuyển đổi số, năng lượng tái tạo và các ngành dịch vụ chất lượng cao; chú trọng các nghề phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chú trọng đào tạo kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng mềm, tác phong công nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; khuyến khích đào tạo lại, đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động nhằm thích ứng với quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; ưu tiên phát triển, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nâng cao chất lượng hướng dẫn viên, nhân lực quản trị điểm đến, nhân lực chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; tăng cường đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng số, kỹ năng phục vụ và kỹ năng giao tiếp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

2.3. Phát triển thị trường lao động hiện đại, đồng bộ và nâng cao chất lượng việc làm

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm; tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, dự báo và kết nối cung - cầu lao động, nhất là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; triển khai có hiệu quả các nền tảng, sàn giao dịch việc làm phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Việc làm - Người có công tỉnh; đổi mới phương thức tư vấn, giới thiệu việc làm, cung cấp thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh giao dịch việc làm trực tiếp và trực tuyến; tăng cường các phiên giao dịch việc làm lưu động, tư vấn tại cơ sở, ưu tiên địa bàn có đông lao động thuộc

hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới; tăng cường kết nối cung - cầu lao động trong và ngoài tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động theo hướng công khai, minh bạch, linh hoạt; nâng cao chất lượng dự báo nhu cầu nhân lực; khuyến khích doanh nghiệp mở rộng sản xuất, tạo thêm việc làm, xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định và bền vững.

- Quan tâm phát triển việc làm cho thanh niên, phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm lao động yếu thế; chú trọng hỗ trợ lao động mất việc, thiếu việc làm, lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề; giảm dần tỷ lệ lao động làm việc phi chính thức, mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội và các chính sách an sinh xã hội.

2.4. Tập trung triển khai các giải pháp tạo việc làm bền vững ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hàng hóa ứng dụng khoa học, công nghệ, sản xuất theo mô hình chuỗi giá trị; kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới; phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, vùng nguyên liệu tập trung, làng nghề; chế biến nông, lâm sản; thương mại, dịch vụ và các ngành nghề phù hợp với lợi thế của từng địa phương góp phần tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, hợp tác xã kiểu mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, làng nghề truyền thống; hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn; tạo điều kiện để người dân tiếp cận tín dụng, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Gắn phát triển việc làm với bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc; phát triển kinh tế rừng, dược liệu, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nông nghiệp đặc sản, thương mại biên giới và các ngành nghề truyền thống; khuyến khích phát triển sinh kế gắn với bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, ổn định dân cư và góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng, chủ quyền biên giới quốc gia.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; gắn với phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững; ưu tiên đào tạo nghề, hỗ trợ tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân khu vực biên giới.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch lịch sử gắn với Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái; bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản văn hóa, lễ hội truyền thống,

nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật dân gian gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân; hỗ trợ hình thành các mô hình khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa và du lịch.

- Xây dựng lộ trình chuyển dịch lao động nông thôn phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Hướng nghiệp, đào tạo lao động nông thôn, mở rộng cơ hội chuyển dịch nghề nghiệp sang nông nghiệp hiện đại, dịch vụ tại chỗ. Bảo đảm người lao động được trang bị kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật, tiếp cận bảo hiểm xã hội và dịch vụ việc làm.

2.5. Nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Tiếp tục xác định đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngắn hạn và dài hạn là một trong những giải pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, phát triển nguồn nhân lực và giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc, kiến thức pháp luật và kỹ năng hội nhập cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài. Tăng cường tư vấn trực tiếp tại cơ sở, công khai thông tin về doanh nghiệp dịch vụ, thị trường, chi phí, điều kiện hợp đồng và các rủi ro để người lao động chủ động lựa chọn.

- Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; mở rộng thị trường lao động có thu nhập cao, điều kiện làm việc ổn định; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong suốt quá trình làm việc ở nước ngoài và sau khi về nước. Chú trọng hỗ trợ người lao động sử dụng hiệu quả nguồn thu nhập, tích lũy kỹ năng, kinh nghiệm để trở về khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

2.6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực cho phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách lao động, việc làm đối với người lao động của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, phát triển thị trường lao động và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, kết nối việc làm phù hợp với lao động ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới.

- Lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng

tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trực tiếp, có tác động rõ đến người dân.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, đào tạo tại doanh nghiệp, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động; tăng cường đặt hàng, hợp tác đào tạo theo nhu cầu sử dụng lao động, nhất là đối với các doanh nghiệp, dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch, chế biến nông - lâm sản, năng lượng, xây dựng, thương mại và dịch vụ; thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong quản trị thị trường lao động, cung cấp dịch vụ việc làm và dự báo nhu cầu nhân lực; từng bước hình thành dữ liệu lao động dùng chung, bảo đảm kết nối, cập nhật thông tin từ cơ sở và hỗ trợ người lao động tiếp cận thông tin việc làm, đào tạo.

3. Nhiệm vụ cụ thể *(Có phụ lục kèm theo)*

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Đảng ủy UBND tỉnh là cơ quan thường trực, lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, xây dựng kế hoạch thực hiện bảo đảm rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm; chủ động rà soát, xác định chỉ tiêu hằng năm và ưu tiên nguồn lực thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định. Định kỳ hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, hoặc đột xuất khi có yêu cầu gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 và Kế hoạch này; hướng dẫn nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp theo từng nhóm đối tượng, địa bàn; nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo về công tác cán bộ, chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, đề xuất giải pháp quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng và thu hút nhân lực chất lượng cao vào các cơ quan trong hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch; đưa nội dung Kế hoạch vào chương trình công tác hằng năm, kế hoạch chuyên đề của cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo, đề xuất các nội dung phát sinh thuộc lĩnh vực phụ trách.

5. Các đảng ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc nhiệm vụ cụ thể phù hợp với đặc điểm, lợi thế của từng xã, phường, cơ quan, đơn vị; xác định rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, nhất là đào tạo nghề, tạo việc làm, phát triển sinh kế và hỗ trợ lao động yếu thế; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo theo quy định; đồng thời tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời tổng hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất liên quan.

7. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch theo thẩm quyền; đưa nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của Tỉnh ủy.

8. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung theo yêu cầu.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các TCCT-XH tỉnh;
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trần Tiến Dũng

PHỤ LỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/TU, ngày tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Stt	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
1	Nâng cao nhận thức về phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững					
1.1	- Tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng. - Đổi mới tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Đảng ủy các sở, ban, ngành tỉnh; Đảng ủy các xã, phường	Theo kế hoạch và thường xuyên	Hội nghị quán triệt; kế hoạch tuyên truyền; báo cáo kết quả
2	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới					
2.1	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh và hội nhập quốc tế. Rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng nguồn nhân lực của tỉnh theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; dự báo nhu cầu nhân lực trong ngắn hạn,	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch, công văn, báo cáo

	trung hạn và dài hạn để làm cơ sở xây dựng chính sách, chương trình đào tạo giúp người lao động được tiếp cận ngày càng nhiều với giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lại, đào tạo nâng cao và học tập suốt đời.					
2.2	- Đổi mới mạnh mẽ việc phân luồng, giáo dục nghề nghiệp, tăng cường đào tạo thực hành, đào tạo gắn với doanh nghiệp và thị trường lao động; xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu phát triển các mô hình đào tạo phù hợp với điều kiện miền núi, dân cư phân tán và nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nâng vị thế lao động thực hành giỏi, đưa học nghề trở thành con đường phát triển được coi trọng, có thu nhập và cơ hội phát triển. - Tăng cường công tác giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, thực chất, lấy nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường liên kết giữa cơ sở	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Cao đẳng Điện Biên	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Hằng năm	Kế hoạch, văn bản; Giai đoạn 2026 -2030 bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 10.000 lao động trở lên; đào tạo 11.650 người với trình độ từ trung cấp trở lên; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo so với lực lượng lao động trên 70% vào năm 2030, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 55%

	giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đào tạo, thực hành và tuyển dụng lao động để bảo đảm đầu ra cho lao động. - Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông - lâm sản, dược liệu, du lịch lịch sử, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, thương mại biên giới, logistics, kinh tế cửa khẩu, chuyển đổi số, năng lượng tái tạo và các ngành dịch vụ chất lượng cao. - Chú trọng đào tạo kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng mềm, tác phong công nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; khuyến khích đào tạo lại, đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động nhằm thích ứng với quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.					
2.3	Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; ưu tiên phát triển, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch tại các điểm du lịch	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch, văn bản

	cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nâng cao chất lượng hướng dẫn viên, nhân lực quản trị điểm đến, nhân lực chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; tăng cường đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng số, kỹ năng phục vụ và kỹ năng giao tiếp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.					
3	Phát triển thị trường lao động hiện đại, đồng bộ và nâng cao chất lượng việc làm	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản; báo cáo; phần mềm; phiên giao dịch hoặc hội nghị việc làm; bình quân tạo việc làm cho trên 9.000 người/năm
4	Tập trung triển khai các giải pháp tạo việc làm bền vững ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					
4.1	Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại, hiệu quả và bền vững; thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nông nghiệp tuần hoàn; phát triển vùng nguyên liệu tập trung, sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Hàng năm	Kế hoạch, văn bản, báo cáo

	tế hợp tác, hợp tác xã, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, chế biến sâu nông, lâm sản, góp phần tạo việc làm ổn định, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người dân nông thôn					
4.2	Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, làng nghề truyền thống; hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn; tạo điều kiện để người dân tiếp cận tín dụng, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính/Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản, công văn
4.3	Gắn phát triển việc làm với bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc; phát triển kinh tế rừng, dược liệu, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nông nghiệp đặc sản, thương mại biên giới và các ngành nghề truyền thống; khuyến khích phát triển sinh kế gắn với bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, ổn định dân cư và góp phần giữ vững	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản, công văn

	an ninh, quốc phòng, chủ quyền biên giới quốc gia.					
4.4	Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; gắn với phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững; ưu tiên đào tạo nghề, hỗ trợ tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân khu vực biên giới.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản, Kế hoạch, báo cáo
4.5	Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch lịch sử, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái; bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di sản văn hóa, lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật dân gian gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân; hỗ trợ hình thành các mô hình khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa và du lịch.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Kế hoạch, văn bản

4.6	Xây dựng lộ trình chuyển dịch lao động nông thôn phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Hướng nghiệp, đào tạo lao động nông thôn, mở rộng cơ hội chuyển dịch nghề nghiệp sang nông nghiệp hiện đại, dịch vụ tại chỗ. Bảo đảm người lao động được trang bị kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật, tiếp cận bảo hiểm xã hội và dịch vụ việc làm.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Hàng năm	Kế hoạch, văn bản
5	Nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
5.1	Đẩy mạnh tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc, kiến thức pháp luật và kỹ năng hội nhập cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản, công văn; 200 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng mỗi năm
5.2	Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; mở rộng thị trường lao động có thu nhập cao, điều kiện làm việc ổn định; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong suốt quá trình làm việc ở nước ngoài và	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Ngoại vụ; Doanh nghiệp (có đủ điều kiện); UBND cấp xã	Thường xuyên	

	sau khi về nước. Chú trọng hỗ trợ người lao động sử dụng hiệu quả nguồn thu nhập, tích lũy kỹ năng, kinh nghiệm để trở về khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh tại địa phương.					
6	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực cho phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm					
6.1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách lao động, việc làm đối với người lao động của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, phát triển thị trường lao động và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, kết nối việc làm phù hợp với lao động ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản, công văn
6.2	Tổng hợp nhu cầu kinh phí do các cơ quan, đơn vị đề xuất; tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí và lồng ghép các nguồn lực thực hiện kế hoạch theo quy định và khả năng cân đối ngân sách	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản

6.3	Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, đào tạo tại doanh nghiệp, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động; thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ	Các sở ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản
6.4	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về lao động, việc làm; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong quản trị thị trường lao động, cung cấp dịch vụ việc làm và dự báo nhu cầu nhân lực.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở ngành tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	Văn bản, công văn